

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



Tháng 02 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch	
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên	
Bà Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
Ông Phạm Tuấn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 26/04/2024
Ông Phạm Bá Chính	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/07/2024
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Minh Thân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 11/12/2024

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban
Ông Phan Văn Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thanh Hương

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



Số: 110/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

A. Dung

Ngô Anh Dũng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		346.282.977.877	373.450.609.598
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	131.101.782.762	221.084.835.176
Tiền	111		131.101.782.762	206.084.835.176
Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	133.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		133.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.102.063.073	40.030.805.702
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.257.433.594	23.833.808.430
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.845.667.936	11.490.207.808
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.500.653.396	14.213.481.317
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	9	(9.501.691.853)	(9.506.691.853)
Hàng tồn kho	140	10	39.903.079.145	32.055.438.765
Hàng tồn kho	141		39.903.079.145	32.055.438.765
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.176.052.897	20.279.529.955
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.261.518.985	3.023.525.620
Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.374.616.331	14.725.601.561
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.539.917.581	2.530.402.774
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		452.807.196.424	236.523.762.644
Tài sản cố định	220		416.270.049.723	140.939.021.046
Tài sản cố định hữu hình	221	12	416.270.049.723	140.887.682.136
- Nguyên giá	222		1.208.747.500.070	1.323.978.959.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(792.477.450.347)	(1.183.091.277.684)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	51.338.910
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(664.654.500)	(613.315.590)
Bất động sản đầu tư	230	14	2.640.417.397	3.432.542.629
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.059.587.254)	(20.267.462.022)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.224.343.997	49.739.044.253
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.224.343.997	49.739.044.253
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	5.000.309.068	5.087.993.205
Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.437.338	537.428.525
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.128.270)	(449.435.320)
Tài sản dài hạn khác	260		27.672.076.239	37.325.161.511
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	27.672.076.239	37.325.161.511
TỔNG TÀI SẢN	270		799.090.174.301	609.974.372.242

Mẫu số B01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh		31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		223.823.080.520	94.931.465.458
Nợ ngắn hạn	310		97.185.956.462	94.725.960.843
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	26.033.364.477	14.451.919.979
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.000.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	10.133.478.802	7.657.199.703
Phải trả người lao động	314		19.757.398.188	28.239.430.795
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.692.676.756	1.653.991.957
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	777.524.935	399.673.505
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	4.141.984.468	28.047.956.134
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	20.905.357.144	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.744.171.692	12.275.788.770
Nợ dài hạn	330		126.637.124.058	205.504.615
Phải trả dài hạn khác	337	20	900.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	125.432.142.856	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		304.981.202	205.504.615
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	22	575.267.093.781	515.042.906.784
Vốn chủ sở hữu	410		575.267.093.781	515.042.906.784
Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		169.907.385.045	145.900.399.266
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.360.108.736	169.142.507.518
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	133.722.357.597
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		65.360.108.736	35.420.149.921
TỔNG NGUỒN VỐN	440		799.090.174.301	609.974.372.242

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Dương Ngọc Tú

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	569.172.796.552	547.107.412.021
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		569.172.796.552	547.107.412.021
Giá vốn hàng bán	11	25	555.027.865.522	538.536.588.791
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.144.931.030	8.570.823.230
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15.521.810.090	21.196.570.164
Chi phí tài chính	22	27	4.181.484.507	8.839.046.784
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		781.803.082	2.862.441.692
Chi phí bán hàng	25	28	9.550.182.520	11.841.439.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	28.017.313.130	20.493.495.309
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.082.239.037)	(11.406.587.796)
Thu nhập khác	31	29	94.492.662.333	58.782.930.135
Chi phí khác	32	30	656.151.493	3.028.471.568
Lợi nhuận khác	40		93.836.510.840	55.754.458.567
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.754.271.803	44.347.870.771
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	16.294.686.480	7.831.923.837
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	99.476.587	1.095.797.013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.360.108.736	35.420.149.921

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Dương Ngọc Tú

Mẫu số B03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		81.754.271.803	44.347.870.771
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		67.489.002.705	87.946.838.956
(Giảm) Các khoản dự phòng	03		(52.057.200)	(3.947.965.151)
(Lãi)các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.487.370.687)	(1.029.333.924)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(93.717.649.254)	(9.733.248.071)
Chi phí lãi vay	06		781.803.082	2.862.441.692
Các điều chỉnh khác	07		-	(58.628.174.289)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.768.000.449	61.818.429.984
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		9.237.122.876	(12.914.284.637)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(7.847.640.380)	26.122.662.080
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.122.110.042)	(56.693.716.446)
Giảm chi phí trả trước	12		10.415.091.907	91.577.403
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.503.641.077)	(2.277.205.598)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.760.186.649)	(8.376.188.137)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.100.000	2.980.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.304.638.817)	(1.461.222.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.890.098.267	6.313.032.649
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(320.732.099.161)	(58.467.723.315)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		129.063.137.847	55.003.367
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(164.000.000.000)	(170.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		91.000.000.000	230.554.520.548
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		100.054.752	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.502.019.277	10.257.147.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(261.066.887.285)	12.398.948.167

Mẫu số B03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		146.337.500.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(36.018.450.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		139.737.500.000	(36.018.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(91.439.289.018)	(17.306.469.184)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	221.084.835.176	237.371.958.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.456.236.604	1.019.345.663
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	131.101.782.762	221.084.835.176

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***Mẫu số B09-DN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 30 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 339.999.600.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 339.999.600.000 đồng; tương đương 33.999.960 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 285 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 310 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cho thuê văn phòng
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	100%	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động vận tải biển đối với các loại hàng rời như gạo, xi măng, than, phân bón... Thị trường vận tải biển cho nhóm hàng này đang dần ổn định, cước phí vận chuyển có xu hướng hạ nhiệt sau giai đoạn biến động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Kế thừa những thành công vượt bậc trong những năm trước, Công ty đã đề ra các kế hoạch kinh doanh đổi mới và đột phá nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và gia tăng lợi thế cạnh tranh trong những năm tới:

- Thanh lý tàu cũ và đầu tư tàu mới: Công ty đã thực hiện bán tàu Vinaship Star (tháng 06/2024) và tàu Vinaship Diamond (tháng 11/2024) để tái cơ cấu đội tàu. Đến tháng 12/2024, công ty đầu tư tàu mới Vinaship Unity trọng tải 28.189 DWT, nâng cao năng lực vận tải và đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tăng vốn chủ sở hữu: Trong năm, Công ty cũng đã thực hiện tăng vốn chủ sở hữu từ 200 tỷ lên 340 tỷ qua đó tăng cường nguồn lực tài chính và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường vận tải biển.
- Vay ngân hàng để mua tàu mới với cơ cấu 50% vốn tự có và 50% vốn vay từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng qua đó ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của Công ty.

Trong năm, Công ty cũng đã đẩy mạnh hoạt động thuê tàu ngoài để phục vụ sản xuất, góp phần quan trọng vào doanh thu. Nhờ hoạt động kinh doanh hiệu quả, doanh nghiệp đạt được lợi nhuận gộp dương, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận chung.

Những hoạt động này đã ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính của Vinaship trong năm 2024: Lợi nhuận tăng đột biến chủ yếu đến từ việc thanh lý tàu cũ và đầu tư tàu mới giúp cải thiện hiệu quả khai thác, tăng doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Phần mềm quản lý	03

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí sửa chữa các tàu lên đà: Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 05 năm 02 lần;
- Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm của Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm quy định trên hợp đồng bảo hiểm;
- Chi phí trả trước khác: Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ,... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.12 VAY

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.17 DOANH THU*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh phát sinh kèm theo hoạt động thanh lý tàu và cho thuê hoạt động, công ty kết hợp bán nhiên liệu trên tàu. Doanh thu được ghi nhận khi hai bên nghiệm thu số nhiên liệu đã sử dụng hoặc đã bàn giao kèm theo tàu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

3.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Trong kỳ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	313.462.000	301.261.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	130.788.320.762	205.783.574.176
- Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
Cộng	131.101.782.762	221.084.835.176

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	133.000.000.000	60.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	133.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	133.000.000.000	60.000.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
- Đầu tư vào công ty con	5.000.000.000	-	(*)	100%	5.000.000.000	-	(*)	100%
+ Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (*)	5.000.000.000	-	(*)	100%	5.000.000.000	-	(*)	100%
- Đầu tư vào đơn vị khác (**)	1.437.338	(1.128.270)	423.200	0%	537.428.525	(449.435.320)	88.547.200	0%
+ CTCP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam - VST	1.369.070	(1.128.270)	240.800	0%	537.018.920	(449.435.320)	87.583.600	0%
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	68.268	-	182.400	0%	409.605	-	963.600	0%
Cộng	5.001.437.338	(1.128.270)	423.200		5.537.428.525	(449.435.320)	88.547.200	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	4.257.433.594	(2.159.204.279)	23.833.808.430	(2.164.204.279)
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	(1.104.934.000)	1.104.934.000	(1.104.934.000)
- New Hightest Marine CO., LTD	427.560.660	-	-	-
- Easting Shipping Management Ltd	-	-	2.931.529.170	-
- Bright Spring International Ltd	-	-	3.363.917.932	-
- R&S Trader Pte Ltd, Singapore	352.647.000	-	14.780.156.866	-
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ xăng dầu Thiên Phúc	616.248.287	-	3.147.487	-
- Phải thu khách hàng khác	1.756.043.647	(1.054.270.279)	1.650.122.975	(1.059.270.279)
Cộng	4.257.433.594	(2.159.204.279)	23.833.808.430	(2.164.204.279)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan *trình bày tại thuyết minh 34.1*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.845.667.936	-	11.490.207.808	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu	1.312.546.987	-	2.740.379.814	-
- Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	-	-	3.266.400.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đầu tư miền Duyên Hải	-	-	1.110.447.797	-
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng GM	-	-	3.393.672.846	-
- Trả trước cho người bán khác	533.120.949	-	979.307.351	-
Cộng	1.845.667.936	-	11.490.207.808	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	15.500.653.396	(7.342.487.574)	14.213.481.317	(7.342.487.574)
- Phải thu về lãi tiền gửi	1.477.265.756	-	1.101.568.492	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	111.726.500	-	174.862.168	-
- Tạm ứng	2.206.101.856	-	2.937.560.671	-
- Ký quỹ, ký cược	32.000.000	-	692.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển dương Vinashin	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	4.287.420.941	-	1.935.659.086	-
- Phải thu khác	43.650.769	-	29.343.326	-
Cộng	15.500.653.396	(7.342.487.574)	14.213.481.317	(7.342.487.574)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	(7.342.487.574)	7.342.487.574	-	(7.342.487.574)
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	(1.104.934.000)	1.104.934.000	-	(1.104.934.000)
- Các đối tượng khác	1.054.270.279	-	(1.054.270.279)	1.059.270.279	-	(1.059.270.279)
Cộng	9.501.691.853	-	(9.501.691.853)	9.506.691.853	-	(9.506.691.853)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	38.164.830.442	-	32.055.438.765	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.738.248.703	-	-	-
Cộng	39.903.079.145	-	32.055.438.765	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mua sắm TSCĐ	267.000.000	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	957.343.997	1.124.146.300
- Dự án xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	-	48.614.897.953
Cộng	1.224.343.997	49.739.044.253

(*) Thông tin về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới và cho thuê văn phòng làm việc;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, khu đô thị Hồ Sen – Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu: 96 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2024: Đã thực hiện đưa vào sử dụng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	6.905.725.306	60.431.830	1.316.732.975.567	279.827.117	1.323.978.959.820
- Mua trong năm	-	-	293.443.597.635	219.174.980	293.662.772.615
- Đầu tư XDCB hoàn thành	76.012.537.360	5.042.465.194	-	5.850.000.001	86.905.002.555
- Thanh lý, nhượng bán	(46.958.605)	-	(495.752.276.315)	-	(495.799.234.920)
31/12/2024	82.871.304.061	5.102.897.024	1.114.424.296.887	6.349.002.098	1.208.747.500.070
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(5.773.169.544)	(60.431.830)	(1.177.041.294.282)	(216.382.028)	(1.183.091.277.684)
- Khấu hao trong năm	(1.670.294.914)	(411.365.071)	(63.784.466.096)	(779.412.482)	(66.645.538.563)
- Thanh lý, nhượng bán	46.182.252	-	457.213.183.648	-	457.259.365.900
31/12/2024	(7.397.282.206)	(471.796.901)	(783.612.576.730)	(995.794.510)	(792.477.450.347)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	1.132.555.762	-	139.691.681.285	63.445.089	140.887.682.136
31/12/2024	75.474.021.855	4.631.100.123	330.811.720.157	5.353.207.588	416.270.049.723

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 291.265.856.092 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 128.179.262.572 đồng).
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 340.150.098.895 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 106.305.460.444 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương,
quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	664.654.500	664.654.500
31/12/2024	664.654.500	664.654.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(613.315.590)	(613.315.590)
- Khấu hao trong năm	(51.338.910)	(51.338.910)
31/12/2024	(664.654.500)	(664.654.500)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	51.338.910	51.338.910
31/12/2024	-	-

Nguyên giá tài sản vô hình của Công ty đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 664.654.500 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 307.654.500 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong kỳ	31/12/2024
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	23.700.004.651	-	-	23.700.004.651
- Nhà	2.627.505.019			2.627.505.019
- Cơ sở hạ tầng	21.072.499.632	-	-	21.072.499.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(20.267.462.022)	(792.125.232)	-	(21.059.587.254)
- Nhà	(2.627.505.019)	-		(2.627.505.019)
- Cơ sở hạ tầng	(17.639.957.003)	(792.125.232)	-	(18.432.082.235)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	3.432.542.629	-	(792.125.232)	2.640.417.397
- Nhà	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	3.432.542.629	-	(792.125.232)	2.640.417.397

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn đang cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6.546.020.001 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 6.259.455.501 đồng);
- Trong kỳ doanh thu phát sinh từ bất động sản là: 3.089.256.277 đồng;
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 23.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này do chưa có thị trường sẵn có cho các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.261.518.985	3.023.525.620
- Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.198.968.985	2.785.453.620
- Các khoản khác	62.550.000	238.072.000
b) Dài hạn	27.672.076.239	37.325.161.511
- Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	25.668.724.065	37.325.161.511
- Chi phí trả trước trang thiết bị toà nhà	1.829.180.746	-
- Các khoản khác	174.171.428	-
Cộng	29.933.595.224	40.348.687.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	26.033.364.477	26.033.364.477	14.451.919.979	14.451.919.979
- PT Indofuels Limited	8.521.857.720	8.521.857.720	-	-
- Công ty Cổ phần dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	1.832.176.000	1.832.176.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	3.512.784.658	3.512.784.658	-	-
- Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Thành Long	6.367.400.000	6.367.400.000	4.434.000.000	4.434.000.000
- Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật xanh	618.099.040	618.099.040	1.366.003.360	1.366.003.360
- Các đối tượng khác	5.181.047.059	5.181.047.059	8.651.916.619	8.651.916.619
Cộng	26.033.364.477	26.033.364.477	14.451.919.979	14.451.919.979

Phải trả người bán là các bên liên quan trình bày tại thuyết minh 34.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	24.259.725.843	24.259.725.843	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	588.446.837	588.446.837	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.505.444.909	16.294.686.480	13.760.186.649	10.039.944.740
- Thuế thu nhập cá nhân	151.754.794	417.957.395	476.178.127	93.534.062
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	747.398.792	747.398.792	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	455.107.000	455.107.000	-
- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	508.543.529	508.543.529	-
	7.657.199.703	43.276.865.876	40.800.586.777	10.133.478.802
	01/01/2024	Số phải thu/thực nộp trong năm	Số đã thực thu /khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.530.402.774	-	990.485.193	1.539.917.581
	2.530.402.774	-	990.485.193	1.539.917.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.692.676.756	1.653.991.957
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	4.276.396.773	1.653.991.957
- Trích trước chi phí lãi vay	156.360.616	-
- Trích trước chi phí XDDB lô đất TM8	231.481.481	-
- Các khoản trích trước khác	28.437.886	-
Cộng	4.692.676.756	1.653.991.957

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	777.524.935	399.673.505
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	-	367.352.964
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	777.524.935	32.320.541
Cộng	777.524.935	399.673.505

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.141.984.468	28.047.956.134
- Kinh phí công đoàn	744.000	1.000.000
- Bảo hiểm y tế	55.640.320	98.694.731
- Bảo hiểm thất nghiệp	135.738.001	3.674.333
- Nhận ký quỹ, ký cược	24.000.000	356.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lãi vay	-	18.410.934.152
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.471.921.383	1.586.197.576
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.946.565.764	484.080.342
b) Dài hạn	900.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	900.000.000	-
Cộng	5.041.984.468	28.047.956.134

Phải trả khác là bên liên quan trình bày tại thuyết minh số 34.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	20.905.357.144	20.905.357.144	20.905.357.144	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>20.905.357.144</i>	<i>20.905.357.144</i>	<i>20.905.357.144</i>	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	20.905.357.144	20.905.357.144	20.905.357.144	-	-	-
b) Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	125.432.142.856	125.432.142.856	146.337.500.000	20.905.357.144	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	125.432.142.856	125.432.142.856	146.337.500.000	20.905.357.144	-	-
Cộng	146.337.500.000	146.337.500.000	167.242.857.144	20.905.357.144	-	-

(*) Hợp đồng tín dụng số 221/2024/HĐCV ngày 12/11/2024. Hạn mức tối đa 151.879.475.000 đồng, thời hạn vay từ khi nhận nợ 84 tháng, mục đích vay để đầu tư mua tàu Vinaship Unity. Tài sản thế chấp là tàu Vinaship Unity. Khế ước nhận nợ lần 01 ngày 27/11/2024 số tiền 146.337.500.000 đồng lãi suất cố định cho 2 năm đầu tiên, các năm tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất VND tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau của MSB + margin 1,5%/năm kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng 1 lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	200.000.000.000	82.932.721.854	209.892.258.039	492.824.979.893
- Lãi trong năm trước	-	-	35.420.149.921	35.420.149.921
- Phân phối lợi nhuận	-	62.967.677.412	(76.169.900.442)	(13.202.223.030)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	62.967.677.412	(62.967.677.412)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.202.223.030)	(13.202.223.030)
31/12/2023	200.000.000.000	145.900.399.266	169.142.507.518	515.042.906.784
01/01/2024	200.000.000.000	145.900.399.266	169.142.507.518	515.042.906.784
- Lãi trong năm	-	-	65.360.108.736	65.360.108.736
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần(*)	139.999.600.000	(139.999.600.000)	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	164.006.585.779	(169.142.507.518)	(5.135.921.739)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển(**)	-	164.006.585.779	(164.006.585.779)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi(**)	-	-	(5.135.921.739)	(5.135.921.739)
31/12/2024	339.999.600.000	169.907.385.045	65.360.108.736	575.267.093.781

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 và biên bản 05/2024/HĐQT ngày 14/05/2024 về việc thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu. Nguồn vốn cổ phần tăng thêm được lấy từ Quỹ đầu tư phát triển, tỷ lệ phát hành là 70%, 13.999.960 cổ phiếu phát hành thành công vào ngày 01/07/2024.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, trong đó thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022, 2023 của Công ty cho Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 4.958.820.989 đồng, Quỹ Đầu tư phát triển là 164.006.585.779 đồng và trích Quỹ thưởng người quản lý 177.100.750 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ góp
	VND	góp vốn	VND	vốn
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	173.400.000.000	51%	102.000.000.000	51%
- Công ty Cổ phần Container Việt Nam Viconship	136.032.400.000	40,01%	-	0%
- Các cổ đông khác	30.567.200.000	8,99%	98.000.000.000	49%
Cộng	339.999.600.000	100%	200.000.000.000	100%

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	139.999.600.000	-
+ Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.999.960	-
- Cổ phiếu phát hành trong kỳ	13.999.960	-
+ Cổ phiếu phổ thông	13.999.960	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	169.907.385.045	145.900.399.266
Cộng	169.907.385.045	145.900.399.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

23.1 TÀI SẢN CHO THUÊ NGOÀI

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

Tài sản cho thuê ngoài	31/12/2024	01/01/2024
- Từ 1 năm trở xuống	6.536.940.982	1.991.144.270
- Từ 1 đến 5 năm	18.288.181.818	200.909.091
Cộng	24.825.122.800	2.192.053.361

23.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m². Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

23.3 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
- Dollar Mỹ (USD)	5.001.736,43	7.845.081,06

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu hoạt động vận tải biển	442.525.193.398	504.442.734.644
- Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	106.838.482.329	38.389.768.899
- Doanh thu cho thuê bất động sản	3.089.256.277	3.282.941.874
- Doanh thu bán hàng	13.420.052.856	-
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	3.299.811.692	991.966.604
Cộng	569.172.796.552	547.107.412.021

Doanh thu với bên liên quan chi tiết tại thuyết minh số 34.1

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	436.386.575.181	500.362.415.513
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	102.604.629.347	36.555.082.376
- Giá vốn cung cấp cho thuê bất động sản	1.812.536.867	1.235.171.096
- Giá vốn hàng bán	12.947.606.865	-
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	1.276.517.262	383.919.806
Cộng	555.027.865.522	538.536.588.791

Mua hàng với bên liên quan chi tiết tại thuyết minh số 34.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	3.877.716.541	9.678.244.704
- Lãi bán cổ phiếu VCB	583.663	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.156.139.199	10.488.991.536
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.487.370.687	1.029.333.924
Cộng	15.521.810.090	21.196.570.164

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	781.803.082	2.862.441.692
- Lỗ bán chứng khoán	35.269.320	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.346.371.437	5.969.755.013
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(47.057.200)	6.737.200
- Chi phí tài chính khác	65.097.868	112.879
Cộng	4.181.484.507	8.839.046.784

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	28.017.313.130	20.493.495.309
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.511.379.860	1.105.642.744
- Chi phí nhân công	18.656.456.200	18.211.245.385
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.058.848.739	797.247.177
- Thuế, phí và lệ phí	319.857.574	5.000.000
- Hoàn nhập dự phòng	(5.000.000)	(3.954.702.351)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.693.817.829	1.254.175.667
- Chi phí bằng tiền khác	2.781.952.928	3.074.886.687
b) Các khoản chi phí bán hàng	9.550.182.520	11.841.439.097
- Hoa hồng phí cho các tàu	9.550.182.520	11.841.439.097
Cộng	37.567.495.650	32.334.934.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thu nhập thanh lý TSCĐ.	129.202.500.000	55.003.367
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	(39.327.880.702)	-
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	-	58.628.174.289
- Thu nhập do được giảm lãi phạt từ ngân hàng	4.532.735.541	-
- Các khoản khác	85.307.494	99.752.479
Cộng	94.492.662.333	58.782.930.135

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	8.543.529	137.733.480
- Tiền thuê đất tại khu đất TM8	347.538.500	2.583.972.067
- Các khoản chi phí khác	300.069.464	306.766.021
	656.151.493	3.028.471.568

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.754.271.803	44.347.870.771
Các khoản điều chỉnh tăng	1.244.066.606	290.733.480
- Thù lao ban điều hành	188.000.000	153.000.000
- Lãi đánh giá ngoại tệ cuối năm	1.027.523.077	-
- Chi phí không hợp lý	28.543.529	137.733.480
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.524.906.008)	(5.478.985.065)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(1.524.906.008)	(1.027.523.077)
- Chênh lệch năm trước chưa được khấu trừ	-	(4.451.461.988)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	81.473.432.401	39.159.619.186
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	16.294.686.480	7.831.923.837
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	16.294.686.480	7.831.923.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	99.476.587	205.504.615
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	890.292.398
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	99.476.587	1.095.797.013

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	191.509.937.725	207.399.761.832
- Chi phí nhân công	73.824.853.965	69.607.829.280
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.489.002.705	87.946.838.956
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.699.020.091	191.169.691.967
- Chi phí bằng tiền khác	10.868.188.524	8.430.986.233
Cộng	581.391.003.010	564.555.108.268

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2024, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	Công ty con
3	Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Cùng tập đoàn
5	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam - Vosco	Cùng tập đoàn
6	Công ty TNHH MTV Trung tâm logistics xanh	Bên liên quan của cổ đông lớn
7	Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	850.710.528	1.020.760.056
Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship	82.756.230	68.740.764
Mua hàng hoá dịch vụ		
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	11.111.111	-
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.763.445.500	1.783.690.000
Công ty CP Vận tải biển Việt Nam - Vosco	36.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm logistics xanh	3.900.480	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (Tiếp)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	343.717.388	93.569.673
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	90.810.500	226.258.500
Phải trả phải nộp khác		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	-	6.600.000.000

Thu nhập của quản lý chủ chốt:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập/Thù lao	
			Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch HĐQT	80.000.000	35.000.000
2	Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	-	674.788.355
3	Ông Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	67.000.000	78.000.000
4	Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	903.173.158	1.000.382.861
5	Bà Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	41.000.000	-
6	Ông Trần Dũng Chiến	Thành viên HĐQT	-	49.000.000
7	Ông Đào Trọng Sử	Thành viên HĐQT	-	49.000.000
8	Ông Phạm Bá Chính	Thành viên HĐQT	67.000.000	29.000.000
9	Ông Phạm Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	-	12.000.000
10	Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng giám đốc	327.616.390	677.577.121
11	Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng giám đốc	727.321.572	739.109.111
12	Ông Đoàn Minh Thân	Phó Tổng giám đốc	70.963.783	-
13	Bà Trần Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	586.648.914	652.617.411
14	Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban kiểm soát	53.000.000	73.000.000
15	Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	41.000.000	53.000.000
16	Bà Phan Nha Trang	Thành viên Ban kiểm soát	-	26.000.000
17	Ông Phan Văn Hưng	Thành viên ban kiểm soát	41.000.000	23.000.000
Cộng			3.005.723.817	4.171.474.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO TỪNG HOẠT ĐỘNG

Các hoạt động	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vận tải biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	442.525.193.398	504.442.734.644
- Chi phí	436.386.575.181	500.362.415.513
- Lợi nhuận gộp	6.138.618.217	4.080.319.131
Vận tải biển thuê tàu ngoài		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	106.838.482.329	38.389.768.899
- Chi phí	102.604.629.347	36.957.493.851
- Lợi nhuận gộp	4.233.852.982	1.432.275.048
Hoạt động cho thuê bất động sản		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.089.256.277	3.282.941.874
- Chi phí	1.812.536.867	1.235.171.096
- Lợi nhuận gộp	1.276.719.410	2.047.770.778
Hoạt động bán hàng		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	13.420.052.856	-
- Chi phí	12.947.606.865	-
- Lợi nhuận gộp	472.445.991	-
Hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.299.811.692	991.966.604
- Chi phí	1.276.517.262	383.919.806
- Lợi nhuận gộp	2.023.294.430	608.046.798

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú